TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST Ngày: 17-02-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 353/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Chí L, sinh năm 1987 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TH, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Bé T, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 09 năm 2022 cùng các văn bản khác kèm theo nguyên đơn ông Lê Chí L trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2016, ông và bà Nguyễn Bé T tổ chức lễ thành hôn nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Bé T.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Gia L, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2017 và Lê Thiên K, sinh ngày 30 tháng 04 năm 2019. Hiện con chung tên Lê Gia L do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; con chung tên Lê Thiên K do bà Nguyễn Bé T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Gia L; yêu cầu

giao con chung tên Lê Thiên K cho bà Nguyễn Bé T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Bé T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Bé T vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của ông Lê Chí L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa ông Lê Chí L với bà Nguyễn Bé T được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Bé T là bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn CĐ, huyện PT, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Chí L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Chí L. Bà Nguyễn Bé T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Bé T.

[3] Về hôn nhân: Ông Lê Chí L với bà Nguyễn Bé T sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn (Có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Phú Tân ngày 30/8/2022). Ông Lê Chí L xác định quá trình sống chung với nhau, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Lê Chí L được ly hôn bà Nguyễn Bé T. Đối với bà Nguyễn Bé T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà Nguyễn Bé T vẫn vắng mặt không lý do, không cung cấp tài liệu, lời khai và chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Chí L nên bà Nguyễn Bé T tự chịu hậu quả của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Ông Lê Chí L với bà Nguyễn Bé T sống chung với nhau như vợ chồng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa ông Lê Chí L với bà Nguyễn Bé T vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào quy định tại các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa ông Lê Chí L với bà Nguyễn Bé T không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông Lê Chí L với bà Nguyễn Bé T không được công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: ông Lê Chí L với bà Nguyễn Bé T có 02 người con chung tên Lê Gia L, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2017 và Lê Thiên K, sinh ngày 30 tháng 04 năm 2019. Ông Lê Chí L yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Gia L, không yêu cầu bà Nguyễn Bé T cấp dưỡng nuôi con. Ông Lê Chí L yêu cầu giao con chung tên Lê Thiên K cho bà Nguyễn Bé T trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Bé T không có ý kiến gì đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông Lê Chí L. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông Lê Chí L về yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Gia L, giao con chung tên Lê Thiên K cho bà Nguyễn Bé T trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Chí L về việc không yêu cầu bà Nguyễn Bé T cấp dưỡng nuôi con. Đối với bà Nguyễn Bé T, quá trình giải quyết vụ án bà cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ông Lê Chí L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Lê Chí L phải chịu là 300.000 đồng. Ông Lê Chí L đã nộp tạm ứng án phí được đối trừ, chuyển thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 212, 147, 207, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Lê Chí L với bà Nguyễn Bé T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao hai người con chung tên Lê Gia L, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2017 cho ông Lê Chí L nuôi dưỡng. Giao con chung tên Lê Thiên K, sinh ngày 30 tháng 04 năm 2019 cho bà Nguyễn Bé T nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Chí Linh và bà Nguyễn Bé T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, ông Lê Chí L phải chịu. Ông Lê Chí L đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0018331 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Ông Lê Chí L và bà Nguyễn Bé T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Nguyễn Văn Bình